UBND TỈNH AN GIANG **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27 /GPMT-SNNMT	*An Giang, ngày 15 tháng 5 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-SNNMT ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An";

Xét Văn bản số 94/BA-HCQT ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc giải trình, chỉnh sửa và đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An" của Công ty Cổ phần bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 107/TTr-CCBVMT ngày 11 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An, địa chỉ tại số 80 – 82 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Bệnh viện Đa khoa tư nhân Bình An" tại số 80 – 82 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa tư nhân Bình An.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 80 – 82 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số 1700335853 do Phòng Doanh nghiệp – Hợp tác đầu tư, Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 14 tháng 8 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11 tháng 8 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 1700335853.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

a) Tổng diện tích cơ sở là 3.016,22 m^2 bao gồm các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi cấp phép như sau:

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
Thửa đất số 262 – địa chỉ 80, Nguyễn Trung Trực		**2.138,82**
1	Khu điều trị	1.344,00
2	Diện tích sân bãi	794,82
Thửa đất số 298 – địa chỉ 82, Nguyễn Trung Trực		**877,40**
1	Khu nhà điều hành (trước đây là khu điều trị) – 05 tầng	339,94
2	Khu vực tiêm chủng (trước đây là nhà bảo vệ)	24,64
3	Sân bãi đậu xe nhân viên, khu vực bảo vệ, khu nhà giặt	512,82

b) Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

c) Dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

d) Công suất: 150 giường.

đ) Quy trình vận hành: Tiếp đón bệnh nhân, bệnh nhân lấy số thứ tự nộp sổ khám bệnh tại bàn hướng dẫn → Bệnh nhân thực hiện cận lâm sàng bao gồm siêu

âm, X quang, xét nghiệm, nội soi tai mũi họng,…→ Bệnh nhân vào phòng khám chính → Hướng giải quyết bệnh nhân (Bệnh nhân vào viện điều trị nội trú/ Bệnh nhân chuyển viện) → Bệnh nhân nhận thuốc ra về.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Điều 4. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp

phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Cty CP Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An;
- CT UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND phường Rạch Giá;
- CCBVMT (4 bản);
- Trung tâm Phục vụ HCC (01 bản);
- Cổng Thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Lưu: VT, pmngoc.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải nhiễm bẩn do chất bài tiết của con người từ các phòng vệ sinh tại khu điều trị với lưu lượng 111,14m^3/ngày.đêm;

- Nguồn số 02: Nước thải nhiễm bẩn do chất bài tiết của con người từ các phòng vệ sinh tại khu điều hành với lưu lượng 5,28m^3/ngày.đêm;

- Nguồn số 03: Nước thải từ việc vệ sinh sàn mặt bằng các khu chức năng chứa cặn lơ lửng và các chất tẩy rửa tại khu điều trị với lưu lượng 3,3m^3/ngày.đêm;

- Nguồn số 04: Nước thải từ việc vệ sinh sàn mặt bằng các khu chức năng chứa cặn lơ lửng và các chất tẩy rửa tại khu điều hành với lưu lượng 3,3m^3/ngày.đêm;

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ nhà bếp căn tin chứa dầu mỡ, cặn lơ lửng và các chất ô nhiễm tại khu điều trị với lưu lượng 13,2m^3/ngày.đêm;

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình giặt chứa cặn lơ lửng và các chất tẩy rửa tại khu điều hành với lưu lượng 6,6m^3/ngày.đêm;

- Nguồn số 07: Nước thải từ việc rửa vệ sinh dụng cụ y tế, phòng thí nghiệm chứa các thành phần ô nhiễm trong nước thải y tế tại khu điều trị với lưu lượng 2,2m^3/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý được đấu nối về nguồn tiếp nhận là cống thoát chung của khu vực bằng ống dẫn uPVC D90mm.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí: Cống thoát chung của khu vực dọc tuyến đường Nguyễn Trung Trực với kết cấu BTCT D600mm tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải: X= 1106436, Y = 564121 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0$30’, múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m^3/ngày.đêm (6,25m^3/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy. Nước thải sau xử lý sẽ tự chảy theo đường ống uPVC có D 90 đấu nối vào cống thoát chung của khu vực dọc tuyến đường Nguyễn Trung Trực.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2025/BTNMT, Bảng 1, F≤2.000m^3/ngày.đêm và Bảng 2, Cột B (Phụ lục 2, loại hình bệnh viện, trạm y tế), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,0 – 9,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD_5	mg/l	≤ 60		
3	COD	mg/l	≤ 90		
4	TSS	mg/l	≤ 80		
5	Amoni	mg/l	≤ 10		
6	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 40		
7	Tổng Photpho	mg/l	≤ 6		
8	Tổng *Coliforms*	MPN/100mL	≤ 5.000		
9	Clo dư	mg/l	≤ 2		
10	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	≤ 30		
11	Chất hoạt động bề mặt Anion	mg/l	≤ 5		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở đều được thu gom bằng hệ thống thu gom nước thải riêng với hệ thống thu gom nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 1: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân và nhân viên tại các khu nhà vệ sinh khu điều trị được thu gom vào ống dẫn uPVC D114mm dẫn về 06 bể tự hoại 03 ngăn có ký hiệu H1-H5 và H7 để xử lý sơ bộ và về bể H6 để chứa và chảy về hố thu gom trước khi được bơm về hệ thống xử lý nước thải để xử lý theo đúng quy định. Đối với nước thải rửa tay được thu gom bằng ống dẫn uPVC D90mm dẫn trực tiếp về bể chứa nước thải thể tích 100m^3 và dẫn về hố thu gom thể tích 10m^3 để bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 2: Nước thải sinh hoạt từ khu vực điều hành được thu gom bằng ống PVC D90mm, và nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng ống dẫn uPVC D114mm dẫn về bể chứa nước thải dung tích 5,4m^3. Sau đó nước thải được thu gom bằng hệ ống dẫn uPVC D114mm về bể chứa nước thải thể tích 100m^3 và dẫn về hố thu gom thể tích 10m^3 trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 3: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn mặt bằng tại các khu chức năng, khu điều trị được thu gom bằng các phễu thu sàn

trong các khu vệ sinh, đấu nối với tuyến ống uPVC D90mm độ dốc i=2% được lắp đặt âm bên trong công trình dẫn về hố ga thu gom nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 4: Nước thải từ hoạt động vệ sinh sàn mặt bằng các khu chức năng khu điều hành được thu gom bằng các phễu thu sàn trong các khu vệ sinh đấu nối với tuyến ống uPVC D90mm độ dốc i=2% được lắp đặt âm bên trong công trình dẫn về hố ga thu gom nước thải đặt ngoài công trình đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 5: Nước thải nhà bếp căn tin được thu gom bằng tuyến ống uPVC D90mm độ dốc i=2% được lắp dọc công trình dẫn về bể tách mỡ 3 ngăn, dung tích 1,17m^3 trước khi dẫn về hố ga thu gom nước thải đặt ngoài công trình đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 6: Nước thải từ quá trình giặt được thu gom bằng tuyến ống uPVC D90mm độ dốc i=2% được lắp đặt âm bên trong công trình dẫn về hố ga thu gom nước thải đặt ngoài công trình đưa về các bể lắng tạm (hệ thống xử lý nước thải cũ) trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải phát sinh từ nguồn 7: Nước thải từ việc rửa vệ sinh dụng cụ y tế, phòng thí nghiệm được thu gom bằng các lavabo, phễu thoát nước sàn và dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống ống dẫn uPVC D90mm theo trục ống dẫn nước thải của toàn khu về bể chứa nước thải thể tích 100m^3 và dẫn về hố thu gom thể tích 10m^3 trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Khối lượng các hạng mục công trình thu gom, xử lý nước thải:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
	Ống thu gom nước thải các loại		
1	Ống uPVC D90mm	m	650
2	Ống uPVC D114mm	m	500
3	Ống uPVC D140mm	m	450
4	Ống uPVC D144mm	m	12
5	Ống uPVC D168mm, i=1%	m	59,7
6	Hố ga lắng cát 500mm x 500mm	Cái	16
7	Hố ga lắng cát 300mm x 300mm	Cái	1
	Ống thoát nước thải sau xử lý		
8	Ống uPVC D90mm, i=0,5%	m	33,5

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày.đêm.

- Công suất thiết kế: 07 bể, tổng dung tích 201,6 m^3 (bao gồm: khu nhà điều hành có 01 bể 5,4 m^3 và khu điều trị có 01 bể 29,4 m^3, 01 bể 44,4m^3 và 04 bể 30,6m^3).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ: 01 bể (dung tích 1,17 m^3).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà bếp → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày.đêm.

- Phần váng dầu mỡ định kỳ (mã số chất thải 120611) được nhân viên của cơ sở vét và thu gom vào các túi nhựa vận chuyển về thùng rác sinh hoạt và bàn giao cho đơn vị thu gom.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác thô → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Bể lắng → Module khử mùi → Module khử trùng → Cống thoát nước chung.

- Công suất thiết kế: 150 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine dạng viên nén.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tuân thủ theo hướng dẫn vận hành của nhà thầu. Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, thường xuyên kiểm của các máy móc, thiết bị đang hoạt động; thay thế sửa kịp thời máy móc hư hỏng; có thiết bị, máy móc dự phòng.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng khắc phục sự cố; trường hợp xảy ra sự cố không thể sửa chữa trong ngày thì phải thực hiện lưu chứa nước thải. Bệnh viện có bố trí bể chứa nước thải có thể tích 100m^3 để lưu chứa cùng với hố thu gom thể tích 10m^3 để lưu chứa nước thải trong thời gian sửa chữa, đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường theo quy định. Tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố, đảm bảo hoạt động xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

- Trong quá trình xử lý nước thải, nguồn điện cung cấp cho hệ thống được cấp từ nguồn điện lưới quốc gia. Để đảm bảo cho hệ thống được hoạt động liên tục, bệnh viện đã trang bị máy phát điện dự phòng công suất 1.000kVA đủ cấp điện cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp nguồn điện lưới quốc gia bị cúp điện đột xuất, hệ thống nước thải vẫn được hoạt động sau thời gian chuyển đổi nguồn điện cung cấp sang nguồn điện dự phòng. Ngược lại, khi tình trạng điện lưới quốc gia trở lại bình thường, nguồn điện cung cấp cho hệ thống xử lý nước thải được chuyển đổi lại nguồn điện lưới.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày.

- Nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m^3/ngày (tọa độ vị trí xả thải: X= 1106436, Y = 564121, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0$30', múi chiếu 3^0).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Thông số: pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng Coliforms, Clo dư, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion.

- Giới hạn cho phép: Đáp ứng yêu cầu theo mục 2.6 của Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Trong 03 ngày liên tiếp (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, kế hoạch quan trắc chất thải đến cơ quan cấp giấy phép môi trường để được kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Trường hợp khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường nơi tiếp nhận, chủ cơ sở phải thực hiện việc xả thải theo quy định mới ban hành.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Khuyến khích chủ cơ sở lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng 1.000kVA; tọa độ X= 1106411; Y= 564134.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung tại khu vực nhà sảnh chờ và nhà xe của bệnh viện; tọa độ X= 1106422; Y= 564125.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Khu vực	Khoảng thời gian (dBA)		
		Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
1	Khu vực A: Nguồn số 1, 2	50	45	40

2.2. Độ rung

TT	Khu vực	Khoảng thời gian (dB)	
		Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)
1	Khu vực A: Nguồn số 1, 2	60	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Các máy móc thiết bị đã được thiết kế với các chân đế, bộ phận chống rung động đảm bảo theo quy định. Công ty thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	160106	Rắn	27.600
2	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	080204	Rắn	
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	180104	Rắn	
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	130101	Rắn	
5	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	130102	Rắn	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Đơn vị	Khối lượng
1	Váng dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	12 06 11	Rắn	kg/năm	1.044
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải với mã chất thải	12 06 12	Rắn	m^3/năm	86,4

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái	Đơn vị	Khối lượng
3	Bùn cặn từ nhà vệ sinh	12 06 13	Rắn	kg/năm	10.512
4	Bùn cống rãnh thu gom, thoát nước mưa, nước thải và các hố ga	11 05 06	Rắn	kg/năm	16.570,8

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 228,125tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a) Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Sàn bê tông bảo đảm kín khít, không rạn nứt; sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng CTNH cao nhất theo tính toán; tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy.

- Bên trong khu vực lưu chứa bố trí bình phòng cháy chữa cháy cầm tay, thùng cát, xẻng nhằm phòng ngừa sự cố cháy nổ, rò rỉ và tràn đổ chất thải lỏng; đồng thời, tại cửa kho bố trí biển báo theo quy định.

b) Diện tích kho: Diện tích kho chứa chất thải nguy hại là 4m^2, diện tích kho chất thải y tế là 8m^2.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, một phần bùn bể lắng được tuần hoàn về bể anoxic nhằm tạo điều kiện cho vi sinh hoạt động, tăng hiệu quả xử lý nước; phần còn lại được đưa vào bể chứa bùn. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với bùn thải từ hố ga được nạo vét định kỳ và thuê đơn vị đủ chức năng thu gom và xử lý đúng quy định.

- Đối với bùn thải, dầu mỡ từ các bể tách dầu mỡ khu vực nhà bếp, nhà hàng được thu gom, hợp đồng xử lý định kỳ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Đối với rác thải sinh hoạt sẽ được tập trung thu gom vào cuối mỗi ngày và tập trung rác các thùng rác chuyên dụng của phường Rạch Giá đặt tại đường Nguyễn Trung Trực, đồng thời tiến hành phun các loại thuốc chống côn trùng ngăn chặn không cho chúng phát triển trong khu vực này.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT BTNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.